TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 7 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 09/7/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huyền T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T, anh H (chị T xin vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Huyền T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình H vào ngày 19/9/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế nên hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, va chạm. Hiện anh, chị đang sống ly thân nhau. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, không thể níu kéo được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày

04/3/2013. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 15/4/2021 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn anh đồng ý với quan điểm của chị T. Kể từ khi kết hôn đến giờ anh thấy cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng vẫn vậy, tình cảm của anh không thay đổi, vẫn yêu thương vợ con. Đến giờ này anh vẫn không biết lý do chị T bỏ về nhà và làm đơn ly hôn anh là do đâu. Trong thời gian hôn nhân vợ chồng không có khúc mắc gì. Anh đã nhiều lần thuyết phục chị T về để vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng chị T không chịu. Từ khoảng cuối năm 2019 anh và chị T sống ly thân. Nay chị T có đơn ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Huyền T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/3/2013 hiện nay cháu D đang ở cùng anh. Trường hợp Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Cháu Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/3/2013 là con của anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Huyền T trình bày hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ ở thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định nguyện vọng xin được ở cùng cả bố và mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị T có mặt, anh H vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị T xin giải quyết vắng mặt, anh H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị T đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" do nguyên đơn chị Nguyễn Huyền T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Đình H có nơi cư trú tại thôn Phú Giáp, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Huyền T và anh Nguyễn Đình H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì gần đây có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn nên hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh chị hay xảy ra va chạm đẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc và hiện tại đang sống ly thân nhau. Về phía anh H, mặc dù anh cho rằng cuộc sống vợ chồng anh chị không có khúc mắc gì tuy nhiên anh không biết lý do tại sao chị T lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2019 cho đến nay. Bản thân anh đã nhiều lần thuyết phục chị T về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết không chịu về và đã có đơn xin ly hôn, anh H có quan điểm không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, mặc dù anh H đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh, chị nhưng anh H lại vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm chị T nữa. Chị T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh H nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh, chị được. Xét thấy anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị T, xử cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/3/2013. Do anh, chị sống ly thân nhau từ năm 2019 và ở cùng thôn Phú Giáp, xã Yên Phong nên con chung khi ở với anh H, khi ở với chị T. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ nên nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung của chị T, anh H đều là nguyện vọng chính đáng. Chị T hiện đang là giáo viên của trường mầm non Ánh Dương - thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định với mức thu nhập hàng tháng là 5.500.000 đồng. Về phía anh H mặc dù Tòa án yêu cầu cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tuy nhiên Tòa án không nhận được bất kỳ các tài liệu, chứng cứ gì từ phía anh H liên quan đến điều này. Hội đồng xét xử xét thấy chị T hiện là giáo viên có nhiều điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, hơn nữa cháu D hiện nay mới được 8 tuổi, còn nhỏ và cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Để san sẻ trách nhiệm của anh chị với con chung, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu D trưởng thành, tự lập được là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Huyền T và anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/3/2013 cho chị Nguyễn Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ tháng 07/2021 cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Huyền T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001718 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đình H phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Huyền T và anh Nguyễn Đình H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Y: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Anh